

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 107/2026/HN-ST

Ngày: 18-6-2026

“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sáng
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân
khu vực 6 - Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực
6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số:
192/2026/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2026, về việc: “Tranh chấp hôn
nhân và gia đình về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
201/2026/QĐST – HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Hoàng P, sinh năm 1971; Địa chỉ: A ấp T, xã T, tỉnh
Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1973; Địa chỉ: ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh
Long.

Anh P, chị Ú vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 19/01/2026 và trong quá trình tố tụng, anh Lê Hoàng P trình bày:*

1. Về hôn nhân: Anh xin ly hôn với chị Nguyễn Thị Ú. Lý do: Anh và chị Ú do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 30/8/1996. Vợ chồng sống chung thời gian đầu có hạnh phúc nhưng về sau ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Mặc dù đã được gia đình hai bên hoà giải nhưng vợ chồng không thể hàn gắn. Đã không còn sống chung từ năm 2004 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Lê Ngọc T, sinh năm 1993 (đã chết) và Lê Hoàng T1, sinh năm 1995 (đã trưởng thành), không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Không còn yêu cầu nào khác.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Ú vắng mặt trong quá trình tố tụng, không lời trình bày.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Lê Hoàng P, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*”. Trong đó xác định anh Lê Hoàng P là nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Ú là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Xét việc vắng mặt của anh Lê Hoàng P có đơn xin vắng, chị Nguyễn Thị Ú vắng mặt lần thứ 02 không có đơn xin vắng, nên xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Hoàng P, thấy rằng:

Anh P và chị Ú tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình sống chung có 02 con chung nhưng theo anh P vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được hướng giải quyết mà để mặc cho mâu thuẫn xảy ra và ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2004 cho đến nay. Nay tình cảm không còn, anh P làm đơn xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tạo điều kiện triệu tập đến Tòa để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng anh P xin vắng, chị Ú không đến Tòa theo thông báo điều đó chứng minh anh P và chị Ú đều không có ý muốn hoà giải đoàn tụ. Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ giữa anh P và chị Ú là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh P theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

[2.2]. Về con chung: Anh P trình bày 02 con chung là Lê Ngọc T, sinh năm 1993 (đã chết) và Lê Hoàng T1, sinh năm 1995 (đã trưởng thành), không yêu cầu nên không giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh P trình bày không có, chị Ú vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung của vợ chồng: Anh P trình bày không có, chị Ú vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

[2.5]. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn:
Anh Phi chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Hoàng P.

Cụ thể tuyên:

1. Anh Lê Hoàng P được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ú.

2. Về con chung: 02 con chung là Lê Ngọc T, sinh năm 1993 (đã chết) và Lê Hoàng T1, sinh năm 1995 (đã trưởng thành), không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh Lê Hoàng P trình bày không có, chị Nguyễn Thị Ú vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh Lê Hoàng P trình bày không có, chị Nguyễn Thị Ú vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Lê Hoàng P phải chịu. Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007029 ngày 15 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thuý Hằng